

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH CÔNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH CÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH CONG SERVICE IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: XNK THÀNH CÔNG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109261313

**3. Ngày thành lập:** 09/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 1, Lô 1, Khu biệt thự Lộc Vũng, ngõ 4 đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961536536

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1812     |
| 3.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1820     |
| 4.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8292     |
| 5.  | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4921     |
| 6.  | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử                                                                                                                                                                                                                                                               | 6312     |
| 7.  | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                               | 4922     |
| 8.  | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4929     |
| 9.  | Bưu chính<br>Chi tiết: - Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh<br>- Cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế                                                                                                                                                                                          | 5310     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                               | 5221     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; | 5225     |
| 12. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                    | 7990     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 8299        |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ<br>vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4931        |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4932        |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4933        |
| 18. | Vận tải đường ống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4940        |
| 19. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5021        |
| 20. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5022        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5222        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên<br>đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay | 5229(Chính) |
| 23. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ lữ hành nội địa<br>- Dịch vụ lữ hành quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7911        |
| 24. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7912        |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5510        |
| 26. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5590        |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8230        |
| 28. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5210        |
| 29. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5224        |
| 30. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641        |
| 31. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ<br>sinh                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 32. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4632        |
| 33. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4690        |
| 34. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                  | 4711        |
| 35. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4719        |
| 36. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các<br>cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4771        |
| 37. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1410        |

|     |                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                | 1420 |
| 39. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                            | 1430 |
| 40. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ loại Nhà nước cấm) | 3290 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM VĂN ĐIỆP \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
 Chức danh: *Giám đốc*  
 Sinh ngày: *24/01/1992* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
 Số giấy chứng thực cá nhân: *173635863*  
 Ngày cấp: *21/03/2012* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thanh Hóa*  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 1, Xã Xuân Giang, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam*  
 Chỗ ở hiện tại: *D5B-49, Lô D5, Khu đấu giá 18.6ha, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội